

Số: /TB-SCT

Bình Phước, ngày tháng năm 2023

## THÔNG BÁO

### Công bố công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách năm 2023 của Sở Công Thương

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai về ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1174/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2023 của UBND tỉnh về việc giao dự toán điều chỉnh thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2023, tỉnh Bình Phước;

Sở Công Thương công khai tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách quý III năm 2023 như sau:

#### 1. Về thu ngân sách:

Tổng thu phí năm 2023 là 119.468.000 đồng, đạt 39,8 % so với dự toán năm, bằng 60,3% so với cùng kỳ năm trước.

Số tiền thu phí năm 2023 đã được nộp 100% vào ngân sách nhà nước.

#### 2. Về chi ngân sách:

Tổng chi ngân sách năm 2023 là: 12.275.747.944 đồng đạt 95,1 % so với dự toán năm, bằng 104,1% so với cùng kỳ năm trước.

Trong đó:

- Chi quản lý hành chính: 8.160.908.247 đồng, cụ thể:

+ Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ là 5.187.669.004 đồng đạt 98,9 % so với dự toán năm, bằng 103,5% so với cùng kỳ năm trước.

+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương 400.421.754 đồng đạt 98,9 % so với dự toán năm, bằng 0% so với cùng kỳ năm trước (do năm 2022 không thực hiện nâng mức lương cơ sở).

+ Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ là 2.572.817.489 đồng đạt 90 %

so với dự toán năm, bằng 92.7 % so với cùng kỳ năm trước.

- Chi sự nghiệp kinh tế khác: 4.114.839.697 đồng, cụ thể:

+ Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ là 1.576.758.557 đồng đạt 100,2 % so với dự toán năm, bằng 107,1 % so với cùng kỳ năm trước.

+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương 123.273.640 đồng đạt 97,9 % so với dự toán năm, bằng 0 % so với cùng kỳ năm trước (do năm 2022 không thực hiện nâng mức lương cơ sở).

+ Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ là 2.414.807.500 đồng đạt 89,4 % so với dự toán năm, bằng 95,1 % so với cùng kỳ năm trước.

*(Chi tiết theo biểu mẫu 03 đính kèm)*

Hình thức công khai: Công khai trên website <https://socongthuongbp.gov.vn>

Sở thông báo công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách năm 2023 đến toàn thể công chức, viên chức được biết./.

***Nơi nhận:***

- Sở Tài chính;
- GD, các PGĐ Sở;
- TT. Khuyến công và TVPTCN;
- Các phòng chuyên môn;
- Website: <https://socongthuongbp.gov.vn>
- Lưu VT, VP (Nga).

**GIÁM ĐỐC**

Đơn vị: Sở Công Thương  
Chương: 416

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Phước, ngày tháng năm 2023

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Sở Công Thương công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách năm 2023 như sau:

*ĐV tính: Đồng*

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện năm	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>	<b>300.000.000</b>	<b>119.468.000</b>	<b>39,8</b>	<b>60,3</b>
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	<b>300.000.000</b>	<b>119.468.000</b>	<b>39,8</b>	<b>60,3</b>
<b>1</b>	<b>Lệ phí</b>				
<b>2</b>	<b>Phí</b>				
	<i>Phí thẩm định</i>	<i>300.000.000</i>	<i>119.468.000</i>	<i>39,8</i>	<i>60,3</i>
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>	<b>300.000.000</b>	<b>119.468.000</b>	<b>39,8</b>	<b>60,3</b>
<b>1</b>	<b>Lệ phí</b>				
<b>2</b>	<b>Phí</b>	<b>300.000.000</b>	<b>119.468.000</b>	<b>39,8</b>	<b>60,3</b>
	<i>Phí thẩm định</i>	<i>300.000.000</i>	<i>119.468.000</i>	<i>39,8</i>	<i>60,3</i>
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>12.906.958.738</b>	<b>12.275.747.944</b>	<b>95,1</b>	<b>104,1</b>
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	<b>12.906.958.738</b>	<b>12.275.747.944</b>	<b>95,1</b>	<b>104,1</b>
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>8.508.054.738</b>	<b>8.160.908.247</b>	<b>95,9</b>	<b>104,8</b>
<i>1.1</i>	<i>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</i>	<i>5.245.070.738</i>	<i>5.187.669.004</i>	<i>98,9</i>	<i>103,5</i>

1.2	<i>Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương</i>	405.000.000	400.421.754	98,9	0,0
1.3	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>	2.857.984.000	2.572.817.489	90,0	92,7
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp kinh tế khác</b>	<b>4.398.904.000</b>	<b>4.114.839.697</b>	<b>93,5</b>	<b>102,6</b>
2.1	<i>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</i>	1.573.000.000	1.576.758.557	100,2	107,1
2.2	<i>Nguồn cải cách tiền lương</i>	125.904.000	123.273.640	97,9	0,0
2.3	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>	2.700.000.000	2.414.807.500	89,4	95,1